

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 26-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/KDTM-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: NH NN và PTNT Việt Nam(Agribank); trụ sở chính: Số 02, LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn C - Phó phòng kế hoạch Kinh doanh NH NN và PTNT Việt Nam chi nhánh NAD Hải Phòng; ông Công có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L ; nơi cư trú: Thôn 8, HA , xã CM , huyện VB , Hải Phòng; bà L ủy quyền cho ông H; ông H có mặt; bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là NH NN và PTNT Việt Nam(Agribank) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28-5-2015, NH NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh NA Hải Phòng (nay đổi tên thành NH NN và PTNT Việt Nam, Chi nhánh NAĐ Hải Phòng) sau đây gọi tắt là Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341, nội dung: NH NN và PTNT Việt Nam -Chi nhánh NAĐ Hải Phòng cho vợ chồng ông Trần Thanh H , sinh năm 1953 và bà Lê Thị L, sinh năm 1958 vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn); mục đích sử dụng tiền vay: nuôi bán cá giống để thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông Trần Thanh H , bà Lê Thị L rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 10,5%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên. Trước đó, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 34.H/2013/BĐTV ngày 14-5-2013 giữa ông Trần Thanh H , bà Lê Thị L (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Cụ thể tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 200m² đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai, tại thửa đất 97; tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn HA, xã CM , huyện VB , thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 478693 do UBND huyện VB cấp ngày 10-11-1997 mang tên Trần Văn H . Hợp đồng thế này đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng Tài nguyên môi trường huyện VB, thành phố Hải Phòng. Sau khi ký kết các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông H , bà L vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông H mới thanh toán trả Ngân hàng được 8.000.000 đồng tiền gốc và 4.200.000 đồng tiền lãi. Tổng dư nợ tín dụng của ông H và bà L theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26-4-2019 bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi, cụ thể như sau: Tiền gốc: 142.000.000 đồng, nợ lãi tính đến 26-4-2019 là 80.058.708 đồng, trong đó lãi trong hạn là 57.381.625 đồng, lãi quá hạn là 22.677.083 đồng, tổng cộng: 222.058.708 đồng, vợ chồng ông H , bà L chưa trả cho Ngân hàng.

Kể từ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng liên tục có thông báo và công văn đôn đốc nợ. Mặt khác Ngân hàng cũng đã mời ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L lên trụ sở Ngân hàng NAĐ Hải Phòng để làm việc nhiều lần và có biên bản làm việc cũng như thông báo về việc quản lý tài sản thế chấp, song ông H , bà L không chấp hành. Việc ông H , bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Thanh H , bà Lê Thị L phải thanh toán trả nợ số tiền gốc là 142.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-4-2019 là 80.058.708 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 57.381.625 đồng, lãi quá hạn: 22.677.083 đồng, tổng cộng 222.058.708 đồng và lãi phát sinh từ ngày 27-4-2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng. Việc vợ chồng ông H bà L đề nghị được trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng từ 05 đến 10 triệu đồng, Ngân hàng không đồng ý.

Trong trường hợp ông H, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 34. H/2013/BĐTV ngày 14-05-2013 giữa ông H, bà L (Bên thế chấp) là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 200m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số đất số 97; tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 478693 do UBND huyện VB cấp ngày 10-11-1997 mang tên Trần Văn H, để thu hồi vốn cho Ngân hàng theo đúng như cam kết.

Tại bản tự khai, các văn bản khác, ông Trần Thanh H bà Phạm Thị L và tại phiên tòa, ông H được bà L ủy quyền trình bày: Ngày 28-5-2015, vợ chồng ông bà đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 với NH NN và PTNT Việt Nam chi nhánh NA Hải Phòng (nay đổi tên thành NH NN và PTNT Việt Nam Chi nhánh NAD Hải Phòng) để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: nuôi bán cá giống thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vợ chồng ông bà rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 10,5%/năm. Sau đó vợ chồng ông bà đã được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, ông bà đã thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 34.H/2013/BĐTV ngày 14-5-2013 giữa vợ chồng ông bà (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp), cụ thể tài sản thế chấp: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng 200m² đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số 97; tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 478693 do UBND huyện VB cấp ngày 10-11-1997 mang tên Trần Văn H. Ông Trần Thanh H khẳng định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn H là của ông, ông với Trần Văn H là một người, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi nhầm tên ông từ Trần Thanh H thành Trần Văn H. Do làm ăn không thuận lợi nên gia đình ông bà mới thanh toán trả Ngân hàng 8.000.000 đồng tiền gốc và 4.200.000 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà thanh toán trả số tiền gốc còn lại là 142.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-4-2019 là 80.058.708 đồng, trong đó lãi trong hạn: 57.381.625 đồng; lãi quá hạn: 22.677.083 đồng, tổng cộng 222.058.708 đồng và lãi phát sinh từ ngày 27-4-2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, ông bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà xin trả dần mỗi tháng từ 05 đến 10 triệu đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông H không tham gia phiên họp, phiên hòa giải lần 1 và buổi xem xét thẩm định tại chỗ. Bà L không tham gia cả hai phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Tuy nhiên việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 116, 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 332, 323, 398, 351, 357, 463, 466, 468, 500, 502, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 2 Luật người cao tuổi. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L phải trả nợ NH NN và PTNT Việt Nam số tiền vay gốc còn lại là 142.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-4-2019 là 80.058.708 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 57.381.625 đồng, lãi quá hạn: 22.677.083 đồng, tổng cộng là 222.058.708 đồng và lãi phát sinh từ ngày 27-4-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28-5-2015 đã ký giữa Ngân hàng và ông H, bà L. Nếu ông H, bà L không trả được nợ cho NH NN và PTNT Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 200m² đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số 97; tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 478693 do UBND huyện VB cấp ngày 10-11-1997 mang tên Trần Văn H để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Về án phí: NH NN và PTNT Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, vợ chồng ông H và bà L phải chịu án phí kinh doanh thương mại, tuy nhiên do vợ ông H, bà L đều là người cao tuổi, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn án phí được UBND xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng xác nhận. Do đó miễn án phí cho ông H, bà L. Về chi phí tố

tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Vợ chồng ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L đều có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Xóm 8, HA , xã CM , huyện VB , thành phố Hải Phòng. Ông H , bà L có dự án vay vốn để sản xuất kinh doanh, mục đích vay tiền của ông H , bà L để buôn bán cá giống thu lợi nhuận. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Việc NH NN và PTNT Việt Nam khởi kiện đối với vợ chồng ông H bà L trong thời thời hạn pháp luật quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị L vắng mặt, tuy nhiên bà L đã ủy quyền cho ông Trần Thanh H . Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà Lanh.

[3] Về pháp luật áp dụng: NH NN và PTNT Việt Nam và vợ chồng ông H , bà L ký kết Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28-5-2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 34.H/2013/BĐTV ngày 14-3-2013. Các bên đã xác lập giao dịch và thực hiện giao dịch trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

[4] Xét hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28 tháng 5 năm 2015. Ông H và bà L thừa nhận là người đã ký hợp đồng tín dụng nêu trên, mục đích vay vốn để kinh doanh thu lợi nhuận, do làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng ông bà chưa có điều kiện để thanh toán trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông H , bà L phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 463. Vì vậy Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28 tháng 5 năm 2015 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Do ông H bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H và bà L phải trả số tiền gốc là 142.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26-4-2019 là 80.058.708 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 57.381.625 đồng, lãi quá hạn: 22.677.083 đồng, tổng cộng

222.058.708 đồng là có căn cứ, đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, phù hợp với đề nghị của Viện Kiểm sát các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cần được chấp nhận. Căn cứ các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 306 Luật Thương mại, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 20/2014/VBHN-NHNN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc vợ chồng ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 26-4-2019 là 222.058.708 đồng, gồm nợ gốc: 142.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 57.381.625 đồng, lãi quá hạn: 22.677.083 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 27-4-2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

[5] Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản số 34.H/2013/BĐTV ngày 14-5-2013 được dùng bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28 tháng 5 năm 2015 giữa bên thế chấp là vợ chồng ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L, bên nhận thế chấp là Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh NĐ Hải Phòng. Tài sản thế chấp là ngôi nhà và toàn bộ giá trị quyền sử dụng 200m² đất, tại thửa số 97; tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thôn HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 478693 ngày 10-11-1997 mang tên Trần Văn H. Theo tài liệu các đương sự cung cấp đã được UBND xã CM huyện VB xác nhận thì ông Trần Văn H và Trần Thanh H là một người, là người đã cùng bà Lê Thị L ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản trên. Ông H, bà L khẳng định tài sản thế chấp là của vợ chồng ông bà, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn H là do ghi nhầm tên của ông Trần Thanh H thành Trần Văn H. Ông H, bà L đã tự nguyện đem tài sản nói trên bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ cả gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có. Hợp đồng này có nội dung, hình thức và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 298, 319, 398, 500, 502 BLDS 2015 và khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai 2013. Do đó Hợp đồng thế chấp tài sản số 34.H/2013/BĐTV ngày 14-5-2013 có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông H, bà L phải thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản này. Nếu ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L không trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản nêu trên để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng là phù hợp với các Điều 299, 320, 321, 322, 323 BLDS 2015; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 21, 56, 58, 68, 71 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn có đơn xin miễn án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đều là người cao tuổi được UBND xã CM , huyện VB , thành phố Hải Phòng xác nhận. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi, miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L .

[7] Về chi phí tố tụng: NH NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh NAD Hải Phòng nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp đủ và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 398, 351, 357, 463, 466, 468, 500, 502, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 25, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH NN và PTNT Việt Nam

Xử buộc ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L phải trả cho NH NN và PTNT Việt Nam số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28 tháng 5 năm 2015 với tổng số tiền tính đến ngày 26 tháng 4 năm 2019 là 222.058.708 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi tám nghìn

bảy trăm linh tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 142.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 57.381.625 đồng; lãi quá hạn là 22.677.083 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201500341 ngày 28 tháng 5 năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu ông Trần Thanh H, bà Lê Thị L không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho NH NN và PTNT Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng 200m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 97; tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thôn HA, xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện VB cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất số K 478693 ngày 10 tháng 11 năm 1997 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH NN và PTNT Việt Nam cho đến khi trả xong khoản vay.

3. Về án phí: NH NN và PTNT Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng 5.620.000 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số 0001314 ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Miễn án phí cho ông Trần Thanh H và bà Lê Thị L do ông bà là người cao tuổi, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được UBND xã CM, huyện VB, thành phố Hải Phòng xác nhận.

4. Về chi phí tố tụng: NH NN và PTNT Việt Nam đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB ,
TP Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự
huyện VB ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

